

## Kinh tế Việt Nam tích cực trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 2/2023 ước tính tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, nửa đầu năm đạt 3,72%.
- Xuất siêu cả nước tăng mạnh với đạt 12,25 tỉ USD, gấp 10 lần cùng kỳ năm trước.
- Tỷ giá USD trong và ngoài nước đều có xu hướng tăng trong tháng sau nhận định lãi suất có thể tiếp tục tăng của Fed

### Hoạt động kinh tế

#### Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 2/2023 ước tính tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,34% của quý 2/2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,25%, đóng góp 8,53% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,50%, đóng góp 23,63%; khu vực dịch vụ tăng 6,11%, đóng góp 67,84%.

GDP 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,72%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,07%, đóng góp 9,28%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,13%, đóng góp 11,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 78,85%.

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,32%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,62%; khu vực dịch vụ chiếm 43,25%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,81%.

#### Lạm phát

Trong 6 tháng đầu năm 2023, giá hàng hóa trên thị trường quốc tế có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố kinh tế, chính trị, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và xung đột quân sự Nga – Ucraina, chính sách tiền tệ thắt chặt dẫn đến sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước và tăng trưởng chậm lại, lạm phát tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao. Trong nước, nhiều giải pháp đã được triển khai để ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định lạm phát. Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được bảo đảm, giá hàng hóa tăng giảm đan xen. Chỉ số giá tiêu dùng quý II/2023 tăng 2,41% so với cùng kỳ năm 2022.

So với tháng trước, CPI tháng 6/2023 tăng 0,27% (khu vực thành thị tăng 0,22%; khu vực nông thôn tăng 0,32%). So với tháng 12/2022 CPI tháng 6 tăng 0,67% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,0%. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,29% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,74%.

Yếu tố chính làm tăng CPI trong 6 tháng đầu năm là do giá thực phẩm tăng, giá điện sinh hoạt tăng do thời tiết nắng nóng kéo dài cùng với việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Đáng chú ý, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước, tác động lớn nhất làm CPI tăng trong 6 tháng (1,24 điểm phần trăm). Giá các mặt hàng thực phẩm

#### Kinh tế trưởng

##### Hoàng Công Tuấn

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

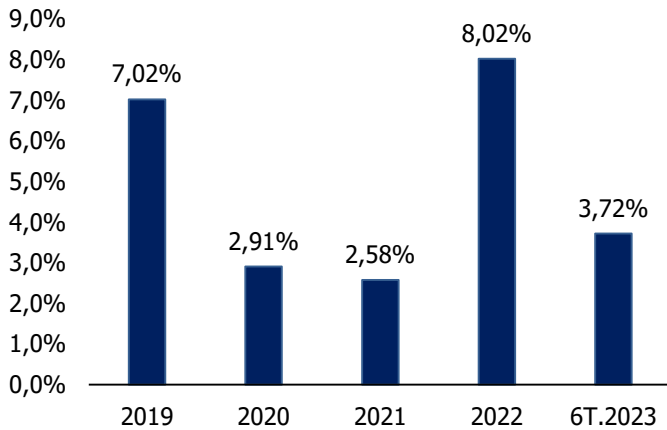
#### Chuyên viên phân tích

##### Lê Minh Anh

Anh.leminh@mbs.com.vn

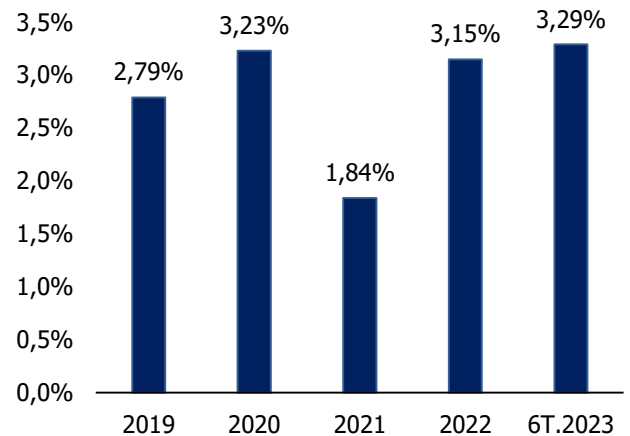
tăng 3,6%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong các dịp Lễ tác động lớn thứ hai làm tăng CPI (0,77 điểm phần trăm).

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam (yoy)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 2: Lạm phát bình quân 5 năm gần đây của Việt Nam



Nguồn: TCTK, MBS Research

## Hoạt động thương mại

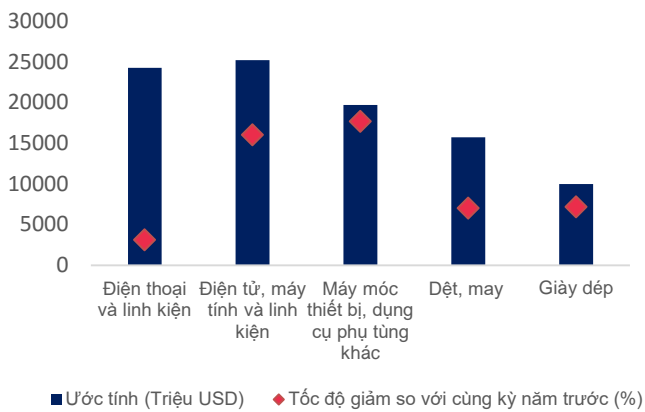
Tính chung 6 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 316,65 tỷ USD, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó xuất khẩu ước đạt 164,45 tỷ USD (giảm 15,2% svck); nhập khẩu ước đạt 152,2 tỷ USD (giảm 18,2% svck). Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 12,25 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,2 tỷ USD).

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 44,2 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 50,1 tỷ USD.

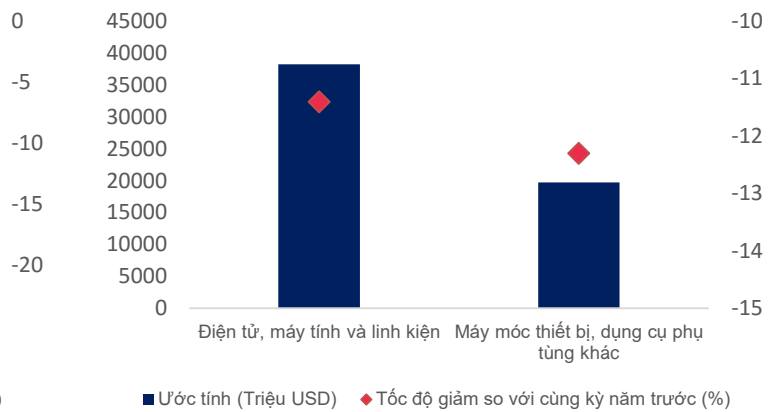
Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2023, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 2,1 tỷ USD, chiếm 1,3%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 144,82 tỷ USD, chiếm 88,1%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 13,4 tỷ USD, chiếm 8,1%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 4,13 tỷ USD, chiếm 2,5%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2023, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 142,66 tỷ USD, chiếm 93,7%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 44%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 49,7%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng ước đạt 9,54 tỷ USD, chiếm 6,3%.

Hình 3: Các mặt hàng xuất khẩu đạt giá trị trên 10 tỷ USD 6 tháng 2023



Hình 4: Các mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 10 tỷ USD 6 tháng 2023



Nguồn: TCTK, MBS Research

Nguồn: TCTK, MBS Research

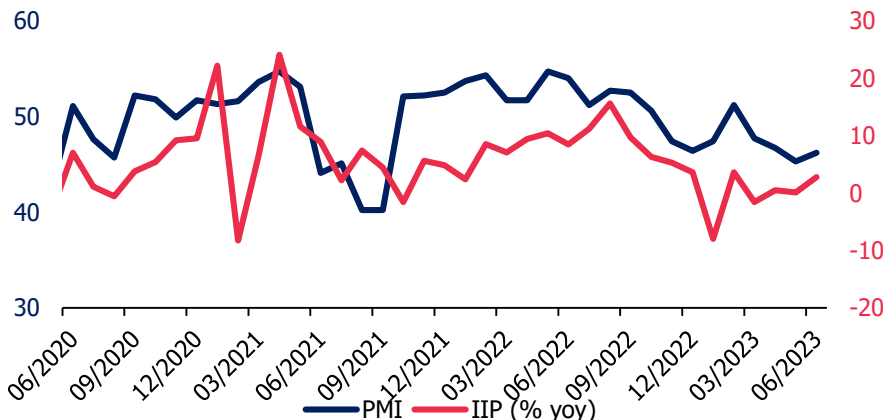
### Sản xuất công nghiệp

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 ước tính tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước (quý I giảm 0,8%; quý II tăng 1,56%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,37% (quý I giảm 0,49%; quý II tăng 1,18%), đóng góp 0,10 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 48 địa phương và giảm ở 15 địa phương trên cả nước.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/6/2023 tăng 0,8% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 4,2% so với cùng thời điểm năm trước.

Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global PMI trong tháng 6 vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ tư liên tiếp, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất tiếp tục suy giảm. Với kết quả 46,2, tăng so với mức 45,3 điểm của tháng 5, chỉ số lần này cho thấy các điều kiện kinh doanh tiếp tục suy giảm mạnh. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới giảm mạnh hơn khi các công ty giảm việc làm và hoạt động mua hàng tương ứng. Tình trạng nhu cầu yếu kém và các điều kiện thị trường suy giảm là nguyên nhân chính dẫn đến giảm số lượng đơn đặt hàng mới.

Hình 5: Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% so với cùng kỳ)



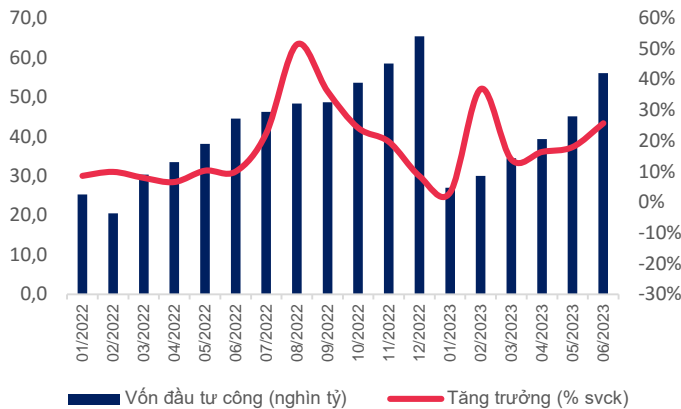
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

## Đầu tư

Ước tính 6 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.357,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 370,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 27,3% tổng vốn và tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 751,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,4% và tăng 2,1%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 235,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,3% và tăng 1,7%.

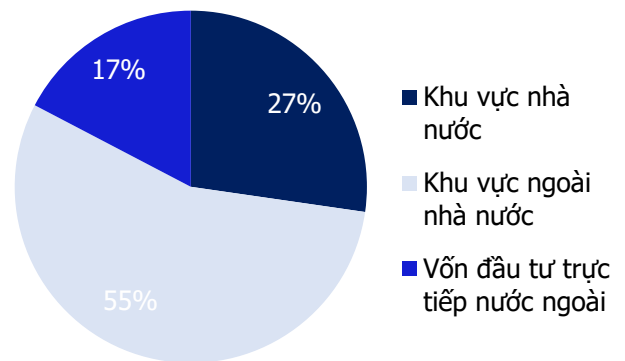
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 10,02 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,18 tỷ USD, chiếm 81,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 696,2 triệu USD, chiếm 6,9%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 502,1 triệu USD, chiếm 5%.

Hình 6: Tăng trưởng đầu tư công



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 7: Cơ cấu nguồn vốn đầu tư toàn xã hội 6T.2023



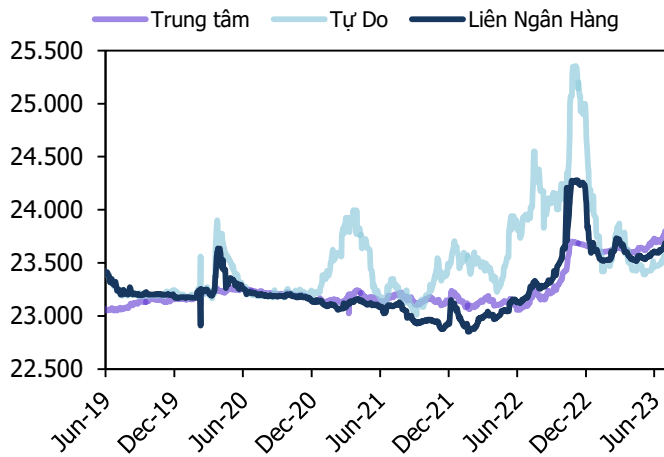
Nguồn: TCTK, MBS Research

## Tỷ giá

Tỷ giá trong nước có xu hướng tăng trong tháng 6 dưới ảnh hưởng của thế giới. So với cuối tháng 5, tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do tăng 150 đồng và hiện giao dịch ở mức 23.605 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.800 đồng/USD, tăng 86 đồng và 23.686 đồng/USD, tăng 84 đồng.

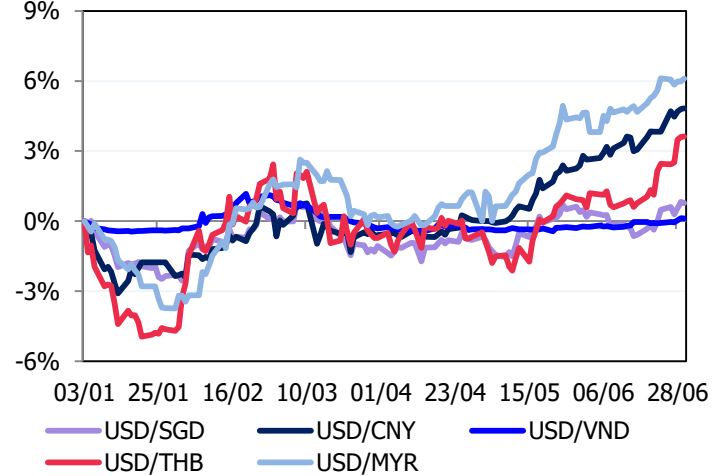
Chỉ số USD Index đang ghi nhận ở mức 103,84. Đồng USD đã tăng lên mức cao nhất trong hai tuần vào thứ Năm sau khi dữ liệu kinh tế cho thấy thị trường lao động vẫn vững chắc, tạo cơ hội cho Cục Dự trữ Liên bang tiếp tục tăng lãi suất. Ngoài ra, chủ tịch Fed Jerome Powell, tại một sự kiện do ngân hàng trung ương Tây Ban Nha tổ chức ở Madrid vào thứ Năm, cho biết ngân hàng trung ương có thể sẽ tiếp tục lộ trình tăng lãi suất sau khi tạm dừng vào đầu tháng này.

Hình 8: Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 9: Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

### Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
<b>1. GDP, dân số và thu nhập</b>							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	193,2	205,3	223,8	245,2	262,4	270,0	409
Tăng trưởng GDP (%)	6,69	6,94	7,47	7,36	2,87	2,56	8,02
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	7,9	9,0	21,8	13,2	8,4	6,5	10,6
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	12,0	5,6	21,9	11,1	6,8	3,6	8,4
Dân số (triệu người)	93,6	94,6	95,5	96,4	97,7	98,5	99,3
GDP/đầu người (USD)	2.086	2.172	2.353	2.551	2.740	2.750	4.110
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33	2,33	2,2	2,2	2,2	2,9	2,32
<b>2. Chỉ số tài khóa (%GDP)</b>							
Nợ chính phủ	52,7	51,7	50	49,2	51,5	39,5	34,7
Nợ công	61,4	58,4	56,1	58,7	43,7	58,7	38
Nợ nước ngoài	44,8	48,9	46	45,8	47,0	47,1	36,8
<b>3. Các chỉ số tài chính</b>							
Tỷ giá USD/VND	22.740	22.690	23.180	23.228	23.115	23.145	23.612
Lạm phát (%)	2,7	3,5	3,5	2,8	3,23	1,94	3,15
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,1	18,7	18,2	13,9	12,1	11	14,5
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8	9,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	-3.759	1.602	1.903	6.795	11.100	19.100	11.200
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	162.017	176.581	215.119	243.483	264.200	267.100	371.850
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	174.978	213.215	236.688	253.100	251.000	332.250	360.650
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	36.906	49.497	54.491	79.000	100.000	110.000	89.000

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

### Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
NẮM GIỮ	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

### Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

*Trần Thị Khánh Hiền*  
**Giám đốc Khối Nghiên cứu**

*Hoàng Công Tuấn*  
**Trưởng phòng**

**Vĩ mô & Chiến lược thị trường**  
*Lê Minh Anh*  
*Lê Ngọc Hưng*

**Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính**  
*Đinh Công Lý*  
*Đỗ Lan Phương*

**Bất động sản**  
*Nguyễn Minh Đức*  
*Lê Hải Thành*

**Dịch vụ - Tiêu dùng**  
*Phạm Thùy Trang*  
*Nguyễn Quỳnh Ly*

**Công nghiệp – Năng Lượng**  
*Phạm Thị Thanh Huyền*